

Trong bối cảnh đất nước đang tích cực hội nhập khu vực và thế giới, yêu cầu và nhu cầu về ngoại ngữ đối với sinh viên ngày càng cao và đa dạng. Bài viết này khái lược thực trạng và đề xuất một số giải pháp cho công tác đào tạo ngoại ngữ tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXHNV), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

thi theo khối D cũng có độ chênh lệch nhất định, có em đã học ngoại ngữ ở phổ thông 7 năm, nhưng nhiều em mới chỉ học được 3 năm.

Trình độ thấp nhưng nhiều sinh viên vẫn chưa ý thức được vai trò của ngoại ngữ đối với công việc và sự phát triển sự nghiệp trong tương lai của mình, hoặc khi ý thức được điều đó thì đã sắp sửa ra trường, không còn thời gian để đầu tư cho việc học ngoại ngữ nữa. Động cơ học tập của sinh viên là

ngoại ngữ) mà chỉ còn đảm nhận việc giảng dạy ngoại ngữ cho tất cả các khoa, bộ môn trong Trường. Hiện nay Bộ môn có 35 cán bộ trong biên chế thuộc 5 tổ chuyên môn (Anh 1, Anh 2, Trung, Pháp, Nga) và tổ văn phòng. Ngoài ra, còn có trên 30 cán bộ giảng dạy theo hợp đồng lao động (tạm thời/ngắn hạn) với Bộ môn. Với số lượng trên 60 cán bộ như vậy, Bộ môn TNN phải hết sức cố gắng mới có thể đảm bảo khối lượng giảng dạy ngoại ngữ cho toàn bộ các khoa, bộ



ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

>> TS. LÂM QUANG ĐÔNG
Bộ môn Tiếng nước ngoài Trường ĐHKHXH&NV

THỰC TRẠNG VỀ ĐỐI TƯỢNG SINH VIÊN

Thực tế cho thấy đa số sinh viên có trình độ ngoại ngữ yếu: Trình độ giao tiếp không đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng khi ra trường. Trình độ đọc, viết cũng hạn chế không đủ khả năng cho chuyên ngành, kể cả kỹ năng đọc viết (một khảo sát gần đây cho thấy chỉ có dưới 10% sinh viên sử dụng được ngoại ngữ để tiếp cận với tài liệu chuyên môn).

Chênh lệch về trình độ ngoại ngữ của sinh viên là khá lớn. Sinh viên thi tuyển sinh đại học theo khối C nhiều, không chú trọng học ngoại ngữ ở trung học phổ thông nên kiến thức không vững, thiếu hụt. Sinh viên từ nông thôn và miền núi – là những vùng gặp nhiều khó khăn về học tập ngoại ngữ - chiếm đến 70 - 80% tổng số sinh viên trong trường. Ngay cả sinh viên

một yếu tố cực kỳ quan trọng quyết định thành công của việc học ngoại ngữ, thế nhưng nhiều sinh viên vẫn chỉ học ngoại ngữ một cách đối phó vì đây là một môn bắt buộc và thời lượng lại nhiều chứ không coi ngoại ngữ là một sở thích, một niềm đam mê thực sự. Suy nghĩ sai lầm cho rằng ngoại ngữ là "học giả thi thật", "để thi đánh đố", "để thi nặng, không liên quan nhiều đến chương trình học" cũng là những suy nghĩ dẫn tới thái độ học ngoại ngữ chưa đúng đắn của một số lượng sinh viên không nhỏ.

VỀ ĐỐI TƯỢNG GIẢNG VIÊN

Từ khi tách ra khỏi Khoa Tiếng nước ngoài, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội để hình thành Bộ môn Tiếng nước ngoài (TNN) thuộc Trường ĐHKHXHNV, ĐHQGHN đến nay, Bộ môn không còn nhiệm vụ đào tạo chuyên ngữ (sinh viên chuyên ngành

môn, các hệ/bậc đào tạo trong toàn trường. Tính trung bình những năm vừa qua, cán bộ Bộ môn thường dạy vượt chỉ tiêu định mức ít nhất là 30%, cá biệt có một số cá nhân vượt trên 100% định mức. Áp lực nặng nề về khối lượng giờ giảng phải đảm nhận khiến giáo viên Bộ môn TNN ít có thời gian đầu tư vào việc tham khảo tài liệu, cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, và ít có điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giảng dạy ngoại ngữ.

Về học vị, đa số giảng viên của Bộ môn đều có trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ (số ít có trình độ cử nhân cũng đều đang theo học cao học). Đó là điều hết sức đáng mừng, song không phải không có điều cần bàn. Bởi thực tế chỉ có 16 cán bộ thuộc Bộ môn đã từng được đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn ở nước ngoài, số còn lại chưa hề có

TIÊU ĐIỂM

điều kiện ra nước ngoài thực tập hoặc đào tạo. Đây là một hạn chế lớn đối với giáo viên ngoại ngữ: họ giảng dạy ngoại ngữ nhưng ít có kinh nghiệm thực tế về sử dụng ngoại ngữ đó như một 'sinh ngữ'. Hạn chế này dẫn tới một loạt hệ quả "chuỗi" khác nhau, ở những mức độ nặng nhẹ khác nhau đối với từng giáo viên. Lẽ tất nhiên, "thầy nào trò nấy", sinh viên của họ chắc chắn sẽ tái diễn lại những khiếm khuyết ấy. Họ không hề có lỗi, vì đó là hệ quả tất yếu của việc không có cơ hội đi thực tập hoặc đào tạo ở nước ngoài.

Một điều nữa cần đề cập là đa số những giáo viên học cao học trong nước đi theo chuyên ngành ngôn ngữ. Kiến thức ngôn ngữ học là phần kiến thức cực kỳ quan trọng đối với

Kết quả một cuộc điều tra gần đây (Vũ Thị Ninh và nhóm nghiên cứu, Thực tế giảng dạy ngoại ngữ không chuyên tại các trường khoa học xã hội và nhân văn, Đề tài đặc biệt cấp ĐHQG, 2005) cho thấy 88,8% sinh viên tham gia cuộc điều tra trả lời rằng họ không hài lòng với kết quả học ngoại ngữ của mình. Trong 6 nguyên nhân dẫn đến kết quả ngoại ngữ kém, 53,9% sinh viên cho biết họ còn thiếu phương pháp học. Điều này thể hiện rõ nhất trong giờ học đọc. Do chưa có thao tác đoán nghĩa từ mới trong ngữ cảnh nên mỗi khi gặp từ mới sinh viên thường nghĩ ngay đến việc tra từ điển. Thay vì tìm nhanh những thông tin cần thiết để đáp ứng yêu cầu bài đọc hiểu thì họ lại say sưa dịch toàn bộ văn bản, coi đó là việc làm không thể thiếu mà hoàn toàn không hiểu rằng dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng mẹ đẻ là một nghề, là công việc của các dịch giả. Bởi vậy, nó [dịch] rất khó, nhất là đối với sinh viên đang học ngoại ngữ, khi vốn kiến thức ngữ pháp cũng như từ vựng của họ (cả ngoại ngữ lẫn tiếng Việt) đều còn khiêm tốn. Thói quen bất lợi này làm mất thời gian của người học, lại không giải quyết được vấn đề vì xét cho cùng thì học đọc (đọc hiểu) là học cách tìm những thông tin cần thiết cho mình, chứ không phải học chỉ để hiểu một bài khoá cụ thể.

người học ngoại ngữ, và lại càng quan trọng đối với người giảng dạy ngoại ngữ. Nhưng chỉ có kiến thức ngôn ngữ học thì chưa đủ đối với giáo viên ngoại ngữ. Họ cần thêm kiến thức về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, nhất là đối với đối tượng không chuyên ngoại ngữ. Những môn học rất cần cho giáo viên ngoại ngữ như: Lý thuyết học ngôn ngữ, thiết kế chương trình, tài liệu giảng dạy ngoại ngữ, và nhiều môn khác không có trong chương trình đào tạo thạc sỹ ngôn ngữ. Do sự thiếu hụt này, phương pháp giảng dạy của họ chậm được cải tiến.

VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ GIÁO TRÌNH

Đối với tiếng Anh, Bộ môn sử dụng giáo trình do nước ngoài biên soạn (New Headway cùng một số tài liệu phụ trợ khác) cho giai đoạn cơ sở. Trong giai đoạn chuyên ngành (đối với tiếng Anh) và trong tất cả các giai đoạn đối với thứ tiếng khác, Bộ môn sử dụng các giáo trình tự biên soạn hoặc chọn lựa trong các giáo trình có sẵn (tổng cộng 13 giáo trình). Giáo trình ngoại ngữ chuyên ngành chưa được biên soạn đầy đủ cho tất cả các ngành khoa học xã hội và nhân văn do số lượng cán bộ của Bộ môn còn ít, lại phải gánh khối lượng giảng dạy lớn, không đủ thời gian để có thể hoàn thành các giáo trình.



Ảnh: Nguyệt Anh



Thực tế cho thấy, việc biên soạn giáo trình giảng dạy ngoại ngữ, nhất là ngoại ngữ chuyên ngành, là một công việc khoa học thực sự, tốn rất nhiều thời gian, vừa làm vừa thử nghiệm, chỉnh sửa. Thế nhưng đáng tiếc là công việc này có thời kỳ không được đánh giá là một công việc khoa học, và nhiều giáo viên của Bộ môn mặc dù đã hoàn thành giáo trình nhưng vẫn không đạt được các danh hiệu thi đua đơn giản chỉ vì họ chẳng còn thời gian nào nữa để viết bài hay thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học.

MỘT VÀI ĐỀ XUẤT, GIẢI PHÁP

Không thể tiếp tục cứng nhắc áp dụng một chương trình duy nhất cho mọi

Cải tiến hình thức thi, kiểm tra, đảm bảo đánh giá chính xác được trình độ học sinh, hướng tới chuẩn quốc tế về kiểm tra đánh giá.

Xây dựng khung chương trình đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành thống nhất (chương trình tối thiểu, bắt buộc, hay còn gọi là "mức sàn") trong ĐHQGHN để việc biên soạn giáo trình ngoại ngữ chuyên ngành và thời lượng giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành được thống nhất trong các trường thành viên. Không hạn chế "mức trần", nghĩa là tùy theo nhu cầu và trình độ của sinh viên cũng như những điều kiện cho phép mà tổ chức cho sinh viên học nâng cao hoặc tăng thêm số giờ ngoại ngữ chuyên ngành. Hiện nay nhiều sinh viên phàn nàn rằng 4 hoặc 6 tín chỉ dành cho ngoại ngữ chuyên ngành là quá ít; họ mong muốn được học nhiều hơn vì nhận thức rõ được tính hữu ích của ngoại ngữ, nhất là ngoại ngữ chuyên ngành đối với chuyên môn cũng như cơ hội việc làm sau này của họ.

Tăng cường và quản lý chặt chẽ việc tự học của sinh viên ngoài giờ lên lớp, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ sinh viên học ngoại ngữ ngoài giờ lên lớp, thông báo rõ cho sinh viên trong các đề cương môn học rằng việc tự học ngoài giờ lên lớp là bắt buộc đối với sinh viên và là một trong những tiêu chí đánh giá sinh viên để lấy điểm kết thúc học phần/môn học.

Xây dựng Trung tâm học liệu: đủ diện tích cho ít nhất 200 sinh viên cùng sử dụng một lúc ngoài giờ lên lớp. Trang bị các thiết bị nghe nhìn, kênh truyền hình bằng tiếng nước ngoài, các tài liệu rèn luyện bổ trợ, tư liệu sách báo, tạp chí, sách hướng dẫn, tài liệu tham khảo. Trong đó, có các phòng nhỏ để các nhóm gồm 5 - 10 sinh viên có thể cùng nghe băng/đĩa, xem phim để luyện tập ngoại ngữ, làm các bài tập và thảo luận nhóm. Quy định số giờ tự học tối thiểu bắt buộc đối với sinh viên tại Trung tâm. Có cán bộ chuyên trách thường trực để theo dõi và trợ

giúp sinh viên tại Trung tâm này.

Đối với giáo viên: tăng cường bồi dưỡng giáo viên, có chế độ tuyển dụng và đãi ngộ thích hợp, thu hút sinh viên giỏi ở lại làm giáo viên. Mở các lớp tập huấn ngắn hạn (trong nước), tạo điều kiện để giáo viên có thể đi thực tập nâng cao trình độ ở nước ngoài (nhất là các nước trong khu vực).

Ngoài ra, cần phải có chiến lược về ngoại ngữ mang tính tổng thể, cấp quốc gia, trong đó quy định rõ ràng ngoại ngữ nào là bắt buộc đối với từng ngành trong số các ngoại ngữ cơ bản như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nga; sao cho chương trình ngoại ngữ phải thống nhất, xuyên suốt, đảm bảo tính kế thừa giữa các bậc học. Ngoại ngữ ở bậc đại học phải là sự tiếp nối kiến thức ngoại ngữ đã học ở phổ thông, ngoại ngữ ở bậc sau đại học phải thực sự là sự tiếp nối, nâng cao của ngoại ngữ đã học ở đại học, khắc phục tình trạng học đi học lại từ ABC ở mọi cấp học (thậm chí nhiều học viên sau đại học mặc dù đã qua được kỳ thi kiểm tra ngoại ngữ trình độ B rồi nhưng thực tế kiến thức vẫn thiếu hụt nghiêm trọng, buộc giáo viên nhiều khi vẫn phải dạy lại từ đầu).

Trên đây là thực tế đào tạo ngoại ngữ tại Trường ĐHKHXH&NV cả về phía sinh viên, giáo viên, chương trình và giáo trình giảng dạy. Một số giải pháp nói trên đã và đang được triển khai tại Bộ môn Tiếng nước ngoài, Trường ĐHKHXH&NV, song còn nhiều điều cần sự quan tâm giúp đỡ của các cấp mới có thể thực hiện được, nếu được thực hiện triệt để, hy vọng chất lượng đào tạo ngoại ngữ ở Trường ĐHKHXH&NV nói riêng và ĐHQGHN nói chung sẽ được nâng cao một bước đáng kể, góp phần hoàn thành mục tiêu đưa ĐHQGHN trở thành một đại học nghiên cứu, một "trung tâm đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đạt trình độ tiên tiến" trong khu vực cũng như quốc tế.

>> TS. LÂM QUANG ĐỒNG



đối tượng sinh viên, mọi loại trình độ như hiện nay được. Với một chương trình cứng đó, những sinh viên yếu khó có điều kiện vươn lên cho kịp những sinh viên khá giỏi, còn những sinh viên khá giỏi thì nhiều khi lại phải học lại những điều họ đã thông thạo, lãng phí thời gian và tiền bạc. Do đó, phải chấp nhận nhiều chương trình mềm dẻo, linh hoạt, phù hợp với năng lực thực tế của sinh viên. Cần triệt để phân loại trình độ sinh viên để tổ chức lớp, đảm bảo sinh viên trong mỗi lớp có trình độ tương đương nhau, với số lượng sinh viên trong mỗi lớp ở mức độ vừa phải (dưới 30).